

Hải Phòng, ngày 15 tháng 10 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Quân y 7 Cục Hậu cần Kỹ Thuật Quân khu 3 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm của Bệnh viện Quân y 7 năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quân y 7
Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Thành Đông, Tp. Hải Phòng.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Hoàng Văn Đạt - Chức vụ: Phó Chủ nhiệm Khoa Trang bị
 - Số điện thoại: 0915102966 – Gmail: hoidongmuasambvqy7@gmail.com
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp báo giá tại Khoa Trang bị Bệnh viện Quân y 7 Cục Hậu cần Kỹ thuật Quân khu 3. Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Thành Đông, Tp. Hải Phòng
 - Nhận qua gmail: hoidongmuasambvqy7@gmail.com.
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ: 8h ngày 16 tháng 10 năm 2025 đến trước 17h ngày 27 tháng 10 Năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời gian trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá 120 ngày kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Nội dung yêu cầu báo giá như sau: có phụ lục chi tiết kèm theo
 - **Phụ lục: Gói thầu: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm của Bệnh viện Quân y 7 năm 2025.**
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện Quân y 7 Cục Hậu cần Kỹ thuật Quân khu 3.
- Địa chỉ: Số 12 đường Tuệ Tĩnh, phường Thành Đông, Tp. Hải Phòng.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không
6. Các thông tin khác(nếu có) 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TB. Đ03b.

GIÁM ĐỐC



Đại tá Hoàng Văn Lý

Mẫu báo giá

Kính gửi: Bệnh viện Quân y 7

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Quân y 7, chúng tôi:.....[Tên nhà cung cấp] báo giá các mặt hàng trong gói thầu như sau:

1. Bảng chào giá.

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Khối lượng mời báo giá	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá có hiệu lực trong vòng: 120 ngày kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo cáo là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày....tháng.... năm 2025

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu(nếu có))

**Gói thầu: Mua sắm đồ dùng vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm của
Bệnh viện Quân y 7 năm 2025
(Kèm theo yêu cầu báo giá ngày 15/10/2025)**

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật chi tiết mặt hàng mời báo giá	Số lượng
Phần 1: Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch ADVIA Centaur CP				
1	Dung dịch kích hoạt phản ứng hóa phát quang	Hộp	Dung dịch kích hoạt phản ứng hóa phát quang R1/R2 acid/base Tiêu chuẩn: ISO 13485. Quy cách: ≥3000 ml/hộp	8
2	Dung dịch phụ trợ cho xét nghiệm miễn dịch dùng cho xét nghiệm T3/T4/VB12	Hộp	Mục đích sử dụng: dung dịch tham gia các xét nghiệm miễn dịch. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥50 ml/hộp	8
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP	Test	Mục đích sử dụng: định lượng AFP (alpha-fetoprotein) trong huyết thanh người và dịch ối. Tiêu chuẩn: ISO 13485	5.800
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 19-9	Test	Mục đích sử dụng: định lượng tuần tự CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) trong huyết thanh người. Tiêu chuẩn: ISO 13485	1.000
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA	Test	Mục đích sử dụng: định lượng kháng nguyên ung thư biểu mô phôi CEA (Carcinoembryonic antigen) trong huyết thanh và huyết tương Tiêu chuẩn: ISO 13485	4.200
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng T3	Test	Mục đích sử dụng: định lượng T3 (Triiodothyronine) trong huyết thanh. Tiêu chuẩn: ISO 13485	7.200
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4	Test	Mục đích sử dụng: định lượng FT4 (Free thyroxine) trong huyết thanh hoặc huyết tương (có chứa heparin hoặc EDTA) . Tiêu chuẩn: ISO 13485	7.900
8	Hóa chất xét nghiệm định lượng PSA	Test	Mục đích sử dụng: định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt dạng phức PSA (Prostatic Specific Antigen) trong huyết thanh người. Tiêu chuẩn: ISO 13485	2.000
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	Test	Mục đích sử dụng: định lượng hormone kích thích tuyến giáp TSH (Thyroid stimulating hormone) trong huyết thanh Tiêu chuẩn: ISO 13485	6.600
10	Hóa chất hiệu chuẩn các xét nghiệm: FT3, T3, T4, Tup, FT4, THEO2	Hộp	Mục đích sử dụng: Chỉ dùng chẩn đoán nhằm hiệu chuẩn các xét nghiệm miễn dịch: FT3, T3, T4, Tup, FT4, THEO2 Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥20 ml/hộp	8
11	Hóa chất hiệu chuẩn các xét nghiệm: Digoxin, FSH, LH, Prolactin, Total hCG, TSH	Hộp	Mục đích sử dụng: Chỉ dùng chẩn đoán in vitro nhằm hiệu chuẩn các xét nghiệm: TSH (Thyroid stimulating hormone), Digoxin, FSH, LH, Prolactin, Total hCG Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 20ml/hộp	10

Đct

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật chi tiết mặt hàng mời báo giá	Số lượng
12	Hóa chất hiệu chuẩn các xét nghiệm: AFP, CEA	Hộp	Mục đích sử dụng: Chỉ dùng chẩn đoán in vitro nhằm hiệu chuẩn các xét nghiệm: AFP (Alpha-fetoprotein), CEA (Carcinoembryonic antigen) Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 8 ml/hộp	12
13	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA	Hộp	Mục đích sử dụng: dùng trong chẩn đoán in vitro nhằm hiệu chuẩn xét nghiệm PSA (Prostatic Specific Antigen) Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 8 ml/hộp	4
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng anti-Tg	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti-Thyroglobulin II. Tiêu chuẩn: ISO 13485	2
15	Dung dịch rửa tẩy rửa hệ thống	Hộp	Mục đích sử dụng: Dung dịch rửa hệ thống Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 840 ml	2
16	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Hộp	Mục đích sử dụng: Dung dịch rửa hệ thống Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 3000 ml/hộp	48
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng anti-TPO	Test	Mục đích sử dụng: xét nghiệm định lượng anti-TPO (Anti thyroid peroxydase) trong huyết thanh hoặc huyết tương. Tiêu chuẩn: ISO 13485	200
18	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm aTPO	Hộp	Mục đích sử dụng: hiệu chuẩn các xét nghiệm anti-TPO (Anti thyroid peroxydase) Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 4 ml/hộp	2
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 125II	Test	Mục đích sử dụng: định lượng tuần tự CA 125 (CANCER ANTIGEN 125) trong huyết thanh người. Tiêu chuẩn: ISO 13485	500
20	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3	Test	Mục đích sử dụng: định lượng tuần tự kháng nguyên ung thư CA 15-3 (carbohydrate antigen 15-3) trong huyết thanh người. Tiêu chuẩn: ISO 13485	400
21	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125II	Hộp	Mục đích sử dụng: chỉ dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125II Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 8 ml/hộp	2
22	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3	Hộp	Mục đích sử dụng: Dùng trong chẩn đoán in vitro nhằm hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 8 ml/hộp	8
23	Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin I	Test	Mục đích sử dụng: Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I Tiêu chuẩn: ISO 13485	5.000
24	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin	Test	Mục đích sử dụng: Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin. Tiêu chuẩn: ISO 13485	300

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật chi tiết mặt hàng mời báo giá	Số lượng
25	Hóa chất hiệu chuẩn các xét nghiệm: VB12, Ferritin	Hộp	Mục đích sử dụng: Chất hiệu chuẩn các xét nghiệm: VB12, Ferritin Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 20 ml/hộp	3
26	Hóa chất nội kiểm mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số tim mạch	Lọ	Mục đích sử dụng: Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số tim mạch. Tiêu chuẩn: ISO 13485. Quy cách: ≥ 18 ml/hộp	12
27	Hóa chất nội kiểm mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số tim mạch	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số tim mạch. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 18 ml/hộp	12
28	Hóa chất nội kiểm mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 60 ml/hộp	5
29	Hóa chất nội kiểm mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 60 ml/hộp	5
30	Hóa chất nội kiểm mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 60 ml/hộp	5
31	Hóa chất nội kiểm mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 12 ml/hộp	5
32	Hóa chất nội kiểm mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 12 ml/hộp	5
33	Hóa chất nội kiểm mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 12 ml/hộp	5
34	Hóa chất nội kiểm mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 12 ml/hộp	5

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật chi tiết mặt hàng mời báo giá	Số lượng
35	Hóa chất nội kiểm mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 12 ml/hộp	5
36	Hóa chất nội kiểm mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số ung thư. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥ 12 ml/hộp	5
37	Hóa chất xét nghiệm định lượng folate	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng folate. Tiêu chuẩn: ISO 13485	500
38	Hóa chất xét nghiệm định lượng vitamin B12	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng vitamin B12. Tiêu chuẩn: ISO 13485	500
39	Hóa chất xét nghiệm định lượng BNP (Brain natriuretic peptide)	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng BNP (Brain natriuretic peptide). Tiêu chuẩn: ISO 13485	1.200
40	Hóa chất xét nghiệm dùng cùng máy phân tích miễn dịch để xét nghiệm Procalcitonin	Test	Hóa chất xét nghiệm dùng cùng máy phân tích miễn dịch để xét nghiệm Procalcitonin. Tiêu chuẩn: ISO 13485	600
41	Hóa chất xét nghiệm định lượng N-terminal pro-brain natriuretic peptide (NT-proBNP)	Test	Thuốc thử xét nghiệm định lượng N-terminal pro-brain natriuretic peptide (NT-proBNP). Tiêu chuẩn: ISO 13485	600
42	Hóa chất xét nghiệm định lượng C-Peptide	Test	Mục đích sử dụng: định lượng C-peptide trong huyết thanh và nước tiểu. Tiêu chuẩn: ISO 13485	600
43	Hóa chất xét nghiệm bán định lượng anti-CCP IgG	Test	Mục đích sử dụng: bán định lượng loại IgG của các tự kháng thể đặc hiệu với peptit axit amin citrullin mạch vòng (CCP) trong huyết thanh người. Tiêu chuẩn: ISO 13485	600
44	Hóa chất xét nghiệm định lượng Insulin	Test	Mục đích sử dụng: định lượng insulin trong huyết thanh. Tiêu chuẩn: ISO 13485	600
45	Dung dịch chống dính cho xét nghiệm miễn dịch dùng cho xét nghiệm Folate	Hộp	Dung dịch chống dính cho xét nghiệm miễn dịch dùng cho xét nghiệm Folate. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: Hộp (3 lọ DTT + 3 lọ tác nhân giải phóng)	3

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật chi tiết mặt hàng mời báo giá	Số lượng
46	Dung dịch rửa kim	Hộp	Mục đích: Dung dịch rửa đầu kim loại 1 trong hệ thống máy miễn dịch. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: $\geq 50\text{ml/hộp}$	3
47	Dung dịch rửa kim	Hộp	Mục đích sử dụng: Dung dịch rửa kim Thành phần: Sodium hypochlorite (0,5%), sodium hydroxide (< 0,5%), pH=11 Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: $\geq 50\text{ml/hộp}$	3
48	Dung dịch rửa kim cho xét nghiệm Calcitonin	Hộp	Mục đích sử dụng: Dung dịch rửa kim cho xét nghiệm CALCT Thành phần: 0,4 N natri hydroxide. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: $\geq 25\text{ml/hộp}$	3
49	Dung dịch chống dính cho xét nghiệm miễn dịch dùng cho xét nghiệm VB12	Hộp	Mục đích sử dụng: Dung dịch tham gia tiền xử lý mẫu xét nghiệm VB12. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: Hộp (1 lọ DTT + 2 lọ Releasing Agent)	3
50	Hóa chất hiệu chuẩn các xét nghiệm: VB12, Ferritin	Hộp	Mục đích sử dụng: Chỉ dùng chẩn đoán in vitro nhằm hiệu chuẩn các xét nghiệm: VB12, Ferritin. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: $\geq 20\text{ml/hộp}$	3
51	Hóa chất hiệu chuẩn các xét nghiệm BNP(Brain natriuretic peptide)	Hộp	Mục đích sử dụng: Chỉ dùng cho chẩn đoán in vitro để hiệu chuẩn các xét nghiệm BNP (Brain natriuretic peptide). Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: $\geq 8\text{ml/hộp}$	3
52	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm BRAHMS PCT	Hộp	Mục đích sử dụng: vật liệu kiểm chuẩn dùng trong chẩn đoán in vitro để theo dõi độ đúng và độ chính xác của xét nghiệm BRAHMS PCT. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: $\geq 8\text{ml/hộp}$	3
53	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm C-Peptid	Hộp	Mục đích sử dụng: hiệu chuẩn xét nghiệm C-Peptid. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: $\geq 4\text{ ml/hộp}$	3
54	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Insulin	Hộp	Mục đích sử dụng: hiệu chuẩn xét nghiệm Insulin. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: $\geq 4\text{ ml/hộp}$	3
55	Hóa chất nội kiểm mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Lọ	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 2. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: $\geq 60\text{ml/hộp}$	3
56	Hóa chất nội kiểm mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Lọ	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 1. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: $\geq 60\text{ml/hộp}$	3

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật chi tiết mặt hàng mời báo giá	Số lượng
57	Hóa chất nội kiểm mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch thường quy	Lọ	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch thường quy, mức nồng độ 3. Tiêu chuẩn: ISO 13485 Quy cách: ≥60ml/hộp	3
58	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol	Test	Mục đích sử dụng: định lượng cortisol trong huyết thanh hoặc nước tiểu. Tiêu chuẩn: ISO 13485	1.500
59	Thuốc thử xét nghiệm định lượng hCG	Test	Mục đích sử dụng: định lượng gonadotropin màng đệm của người (hCG) trong huyết thanh - Thành phần: + Thuốc thử Lite: Kháng thể đề kháng hCG đa dòng (~0,1 µg/mL) được gắn nhãn acridinium ester trong dung dịch muối có chất đệm; natri azit (0,1%); các chất bảo quản + Pha rắn: Kháng thể kháng hCG đơn dòng ở chuột (~0,02 mg/mL) được liên kết cộng hóa trị với các phân tử thuận từ trong dung dịch muối có chất đệm; natri azit (0,1%); các chất bảo quản - Khoảng đo: 2.0–1000 mIU/mL	500
Phần 2: Danh mục kist test				
60	Que thử nước tiểu	Test	Dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu 10 thông số.. Phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid, Albumin, Creatinine, Calcium. Que thử sử dụng một lần. Tiêu chuẩn: ISO 13485	20.000
61	Test xét nghiệm thể kháng (Anti HCV)	Test	Định tính phát hiện kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng virus viêm gan C - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: >99.9%; Độ chính xác tương quan: 100% Không phản ứng chéo với 30 loại bệnh sau: HbsAg, HIV, Syphilis, Cúm B/A, Chagas, Bệnh sởi, Rubella, Sốt vàng da...Đóng gói: 30test/ hộp.	2.000
62	Test xét nghiệm giang mai	Test	Định tính phát hiện kháng thể (IgG, IgM và IgA) kháng Treponema pallidum (Tp) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 99,7%; Độ chính xác tương quan: ≥99,8% Đóng gói: 30test/ hộp	200

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật chi tiết mặt hàng mời báo giá	Số lượng
63	Test nhanh thử Morphine trong nước tiểu	Test	Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Mẫu phẩm: Nước tiểu - Phát hiện OPI/Morphine - Độ nhạy tương quan 100 %, Độ đặc hiệu tương quan 100 % - Ngưỡng phát hiện: 300 ng/mL Không bị gây nhiễu bởi các chất sau tại nồng độ 100 µg/mL: 4-Acetamidophenol, N-Acetylprocainamide, Ampicillin, Aspartame. Đóng gói: 50test/ hộp	200
64	Test ma túy 4 chân	Test	"Là xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh, nhanh chóng, định tính phát hiện các chất gây nghiện (Drug-of-Abuse-DOA) và/ hoặc các chất chuyển hóa của chúng trong nước tiểu người. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Các chất gây nhiễu không gây ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm: Glucose (2000 mg/dl) ; Human Albumin (2000 mg/dl) ; Hemoglobin (10 mg/dl) ; Uric acid (10 mg/dl), Urea (4000 mg/dl) , Billrubin (2 mg/dl)" Đóng gói: 20test/ hộp	50
65	Test HP dùng trong xét huyết tương, huyết thanh người	Test	Phát hiện các kháng thể IgG, IgA, IgM kháng H. pylori - Mẫu thử: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Độ nhạy tương quan: $\geq 86,7\%$; Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 91\%$ Đóng gói: 30test/ hộp	70
66	Test nhanh chlamydia	Test	Phát hiện định tính, trực tiếp kháng nguyên Chlamydia trachomatis. - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới - Phân loại trang thiết bị y tế thuộc loại C - Ngưỡng phát hiện: 5×10^4 IFU/ml - Độ nhạy: $\geq 93,58\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,08\%$ - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis..... Đóng gói: 25test/ hộp	200
67	Test nhanh HbeAg	Test	Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: $\geq 96,2\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,4\%$ - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,16 µg); - Vạch kết quả : Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,2 µg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng dê kháng chuột (0,88 µg) Đóng gói: 50test/ hộp	300

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật chi tiết mặt hàng mời báo giá	Số lượng
68	Test thử thai	Test	Định tính phát hiện thai sớm - Mẫu thử: Nước tiểu, huyết thanh - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Ngưỡng phát hiện: 10mIU/mL - Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 100% Que thử bao gồm: Vạch T được phủ sẵn một loại kháng thể khác kháng hCG và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm chứng. Đóng gói: 50test/ hộp	300
69	Kít thử Lao TB	Test	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng thể IgM và IgG kháng Mycobacterium Tuberculosis (M.TB). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Khay thử bao gồm: - Vạch G phủ sẵn thuốc thử để phát hiện kháng thể IgG kháng M. TB - Vạch C phủ sẵn kháng thể kiểm chứng. - Không phản ứng chéo: CMV, Sốt rét, HCV, HIV, Giang mai, ANA, HAMA, RF (lên tới 2500 IU/mL) Đóng gói: 30test/ hộp	200
Phần 3: Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm AU480				
70	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ure	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê; Thành phần: "Đệm Tris 100 mmol/L; NADH $\geq 0,26$ mmol/L; Tetra Natri diphosphat 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarat $\geq 9,8$ mmol/L; Urease $\geq 17,76$ kU/L; ADP $\geq 2,6$ mmol/L; GLDH $\geq 0,16$ kU/L.; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần CV $\leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 10 test. Quy cách: ≥ 200ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	2
71	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ure	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê; Thành phần: "Đệm Tris 100 mmol/L; NADH $\geq 0,26$ mmol/L; Tetra Natri diphosphat 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarat $\geq 9,8$ mmol/L; Urease $\geq 17,76$ kU/L; ADP $\geq 2,6$ mmol/L; GLDH $\geq 0,16$ kU/L.; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần CV $\leq 10\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 9 test. Quy cách: ≥ 424ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	2
72	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinin	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Thành phần: Natri hidroxit 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L; Độ lặp lại: CV $\leq 3\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 5\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: ≥ 4 test Quy cách: ≥ 408ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	2

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật chi tiết mặt hàng mời báo giá	Số lượng
73	Thuốc thử, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng protein toàn phần	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong nước tiểu và CSF; Thành phần: R1: Pyrogallol đỏ 47 $\mu\text{mol/L}$; Natri Molybdat 320 $\mu\text{mol/L}$; Axit succinic 50 mmol/L; Natri Benzoat 3,5 mmol/L; Natri Oxalate 1 mmol/L; Methanol 0,8% w/v; Chất hiệu chuẩn: Albumin huyết thanh người 0,5 g/L; Độ lặp lại: CV $\leq$ 5,0%; Độ chụm toàn phần: CV $\leq$ 10,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: $\geq$ 5 test. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Quy cách: $\geq$ 76ml	2
74	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 8 thông số sinh hóa	Hộp	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy; Thành phần: Nước tiểu người chứa Amylase, Canxi, Glucose, Phospho vô cơ, Urea, Axit Uric, Creatinine, Magnezi; Các giá trị hiệu chuẩn được xác định sử dụng các quy trình đã được chuẩn hóa. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Quy cách: $\geq$ 48ml	2
75	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng albumin	Hộp	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF; Thành phần: Albumin người và Natri azit $< 0,1 \%$ (w/w); Chất hiệu chuẩn 5 mức; Các giá trị chất hiệu chuẩn có khả năng liên kết chuẩn với Vật liệu tham chiếu CRM 470 đã được chứng nhận bởi Liên đoàn hóa sinh lâm sàng quốc tế. Quy cách: $\geq$ 10ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	2
76	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 18 thông số sinh hóa	Hộp	Chất kiểm chứng dạng lỏng được sản xuất từ vật liệu có nguồn gốc từ con người dùng cho các xét nghiệm nước tiểu. Sản xuất từ chất nền là nước tiểu người có thêm amylase nước bọt của người, hCG có nguồn gốc từ nước tiểu người, albumin của người và bò, chất bảo quản và chất ổn định. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Quy cách: $\geq$ 90ml	2
Phần 4: Khớp nhân tạo				
77	Bộ khớp háng toàn phần Ceramic on PE	Bộ	1. Chuôi khớp không xi măng: Chất liệu hợp kim titanium TA6V ELI, Phủ hai lớp gồm titanium dạng xốp và phủ HA (hydroxyl apatite) giúp phát triển thành xương trong và ngoài, các cỡ chiều dài. 2. Ổ cối không xi măng: Vật liệu hợp kim titanium TA6V ELI được phủ hai lớp: Lớp titanium dạng xốp độ dày: $\geq 200\mu\text{m}$ ($\pm 60\mu\text{m}$), lớp phủ HA (hydroxyl apatite) độ dày: $\geq 120\mu\text{m}$ ($\pm 40\mu\text{m}$) nhiều cỡ. 3. Lót ổ cối: Chất liệu polyethylene cao phân tử UHMWPE bờ chống trật khớp ≥ 8 độ. 4. Vít ổ cối: Chất liệu hợp kim titanium TA6V ELI đường kính 6.5mm nhiều cỡ 5. Chòm khớp: Chất liệu (BioloX Delta®) CERAMIC: $\geq 74\%$ alumina (Al_2O_3) + $\geq 24\%$ zirconia (ZrO_2) + $\geq 2\%$ chromium oxide (Cr_2O_3) Đường kính 28 mm, chiều dài cổ: - 3.5 ; +0; +3.5 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, xuất xứ: G7	30

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật chi tiết mặt hàng mời báo giá	Số lượng
78	Bộ khớp háng toàn phần hai trục linh động chòm Ceramic	Bộ	1. Cuống khớp không xi măng: Chất liệu hợp kim titanium TA6V ELI, Phủ hai lớp gồm titanium dạng xốp và phủ HA (hydroxyl apatite) giúp phát triển thành xương trong và ngoài nhiều cỡ. 2. Ổ cối không xi măng: Vật liệu thép không gỉ, ổ cối không xi măng vát $\geq 10^\circ$ so với mặt phẳng xích đạo, được phủ một lớp phủ kép gồm: titanium TA6V ELI dạng xốp và phủ 1 lớp HA (hydroxyl Apatite). 3. Lót ổ cối: Chất liệu PE dùng cho chòm đường kính 28mm 8 cỡ, mỗi lót ổ cối dùng với một ổ cối. 4. Chòm khớp: Chất liệu Alumina (BioloX Delta®) Ceramic : Đường kính 28 mm, chiều dài cổ: -3.5 ; +0; +3.5 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, xuất xứ: G7	10
Tổng: 78 khoản				